

TỔNG HỢP 05 BẢN ÁN HÌNH SỰ VỀ TỘI THAM Ô TÀI SẢN

STT	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	Tòa án	TÊN VÀ NỘI DUNG BẢN ÁN	File Bản án đính kèm
1.	68/2023/HS-PT	21/12/2023	TAND tỉnh Hà Nam	<p>Bản án số 68/2023/HS-PT ngày 21/12/2023 của TAND tỉnh Hà Nam</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND tỉnh Hà Nam - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Bị cáo Vũ Văn Khánh kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, do có tình tiết mới, HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt. <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Công ty trách nhiệm hữu hạn Điện máy A (viết tắt công ty A) được thành lập ngày 28/7/2000; địa chỉ trụ sở: Cụm Công nghiệp sạch, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; đại diện theo pháp luật ông Đào Văn V - Giám đốc. Ngày 29/6/2021, Công ty A thành lập Cửa hàng điện máy T (viết tắt cửa hàng T), địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam, do ông Đào Văn V đứng đầu. Ngày 20/8/2020, Công ty ASC ký hợp đồng lao động với Vũ Văn K; ngày 20/5/2021 Vũ Văn K được bổ nhiệm giữ chức vụ Quản lý điều hành cửa hàng T, với nhiệm vụ được giao: Quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của cửa hàng, quản lý các đại lý, điều phối hoạt động kinh doanh của cửa hàng đồng thời là nhân viên kinh doanh. Cùng ngày, công ty A có Quyết định bổ nhiệm thủ kho kiêm thủ quỹ của địa điểm kinh doanh nhưng không có hợp đồng lao động đối với chị Vũ Thị N, với nhiệm vụ: Thủ kho, xuất nhập hàng hóa và thu chi tài chính.</p> <p>Theo dõi hoạt động của cửa hàng điện máy T, ông Đào Văn V thấy doanh số của cửa hàng ngày càng giảm, công nợ nhiều. Ngày 25/7/2022, Công ty tiến hành kiểm tra số hàng thực tế tồn tại cửa hàng đồng thời tiến hành trực tiếp xác minh việc bán hàng của Vũ Văn K tại một số đại lý thì phát hiện công nợ thực tế các đại lý xác nhận không đúng với hoá đơn bán hàng K báo nợ về công ty. Ngày 15/10/2022, ông Văn đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Hà Nam để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo đơn trình báo, ông V xác định quá trình làm việc tại cửa hàng với nhiệm vụ được giao, K đã chiếm</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1J1koWsJgk94Y0tqqE0uN4YbU51xqMjQ/view?usp=s_haring</p>

				<p>đoạt tài sản của công ty với tổng số tiền là 415.787.500 đồng; Vũ Thị N gây thất thoát tài sản của công ty trị giá là 563.447.792 đồng. Kết quả điều tra xác định trong thời gian thực hiện nhiệm vụ quản lý và bán hàng từ ngày 24/01/2022 đến ngày 16/8/2022, bằng thủ đoạn sửa chữa, tự viết hoá đơn bán hàng cho các đại lý, Vũ Văn K đã chiếm đoạt số tiền 280.850.000 đồng của Công ty,</p> <p>Tòa Sơ thẩm tuyên:</p> <p>Tuyên bố bị cáo Vũ Văn K phạm tội “Tham ô tài sản”. Xử phạt bị cáo Vũ Văn K 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 04/02/2023.</p> <p>Toà án phúc thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tuyên b Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn K; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2023/HS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam về phân hình phạt. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn K phạm tội “Tham ô tài sản”. Xử phạt bị cáo Vũ Văn K 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/02/2023. Bị cáo Vũ Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ luật hình sự 2015: điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: khoản 2 Điều 136; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. 	
2.	51/2024/HS-PT	23/01/2024	TAND cấp cao tại TP	<p>Bản án số 51/2024/HS-PT ngày 23/01/2024 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp Xét xử: Phúc thẩm Loại án: Hình sự 	https://drive.google.com/file/d/1KzNXRuoXxOfHHuTHd4cHqn_gSaoq-8Ga/view?usp=sharing

Hồ Chí Minh

- Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh
- Áp dụng án lệ: Không
- Đính chính: 0
- Thông tin về vụ án: Sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt

Tóm tắt nội dung vụ án:

Dương Hoàng M được Công ty Cổ phần G ký Hợp đồng thử việc số MN.646453-1/2022/TV, thời gian thử việc 02 tháng từ ngày 09/5/2022 đến ngày 08/7/2022, với chức danh Bru cục (tức nhân viên điều phối, có nhiệm vụ cụ thể là: kiểm soát hàng hóa xuất nhập, tồn kho; kiểm soát, chốt ca tiền từ nhân viên giao hàng, lưu trữ bảo quản tiền thu hộ và nộp về công ty qua tài khoản mở tại ngân hàng; quản lý về tài sản trong kho, ...). Bị cáo trực tiếp thu tiền giao hàng, chốt tiền giao hàng với các nhân viên giao hàng, sau khi nhận tiền bị cáo có trách nhiệm kiểm đếm, xác nhận trên phần mềm giao hàng của Công ty tại các ngân hàng vào cuối giờ làm việc của buổi sáng và buổi chiều trong tuần trừ các ngày thứ bảy và chủ nhật do các ngân hàng không làm việc. Từ ngày 03/6/2022 đến ngày 05/6/2022, bị cáo đã quản lý số tiền 1.612.945.662 đồng và quản lý tiền của công ty tồn từ những ngày trước chuyển qua là 348.903.000 đồng, tổng cộng là 1.961.848.662 đồng. Ngày 03/6/2022, bị cáo nộp vào tài khoản của công ty số tiền 613.417.000 đồng; ngày 05/6/2022 bị cáo chuyển tiếp vào tài khoản của Công ty số tiền 7.000.000 đồng và chi lương cho nhân viên của công ty số tiền 3.285.000 đồng. Số tiền còn lại là 1.338.146.662 đồng, bị cáo cất vào két sắt của Kho hàng L rồi niêm phong theo quy định. Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 06/6/2022, bị cáo đến mở két sắt lấy toàn bộ số tiền 1.338.146.662 đồng, bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 25/8/2022, bị cáo ra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền 423.000.000 đồng còn lại cùng một số tài sản khác mà bị cáo dùng tiền chiếm đoạt để mua sắm.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Hoàng M phạm tội: “Tham ô tài sản”.
2. Áp dụng khoản 4 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Dương Hoàng M **18 (mười tám) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/8/2022.

Toà án phúc thẩm tuyên:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Hoàng M. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HSST ngày

				<p>06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về hình phạt.</p> <p>2. Tuyên bố bị cáo Dương Hoàng M phạm tội “Tham ô tài sản”.</p> <p>Áp dụng khoản 4 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Dương Hoàng M 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/8/2022.</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ luật hình sự 2015: khoản 4 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. 	
3.	06/2024/ HS-PT	22/02/2024	TAND tỉnh Phú Thọ	<p>Bản án số 06/2024/HS-PT ngày 22/02/2024 của TAND tỉnh Phú Thọ</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp xét xử: Phúc thẩm Loại án: Hình sự Tòa án xét xử: TAND tỉnh Phú Thọ Áp dụng án lệ: Không Thông tin về vụ án: Sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Trung tâm khoa học lâm nghiệp vùng trung tâm B là tổ chức sự nghiệp khoa học công lập trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trụ sở đóng trên địa bàn Xã C M, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ (gọi tắt là Trung tâm khoa học) do Nguyễn Anh D sinh năm 1968 được bổ nhiệm và giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm khoa học từ tháng 12/2012 đến tháng 3/2022.</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1LzUeIUaT-V1Yc8nWbHeeQu4GoS1GIwSy/view?usp=sharing</p>

Năm 2016, Trung tâm khoa học lập dự án “Phát triển giống một số loài tre và cây gỗ lớn mọc nhanh phục vụ trồng rừng tại các tỉnh vùng Đông Bắc giai đoạn 2016 - 2020”. Nguyễn Anh D là Giám đốc Trung tâm khoa học được phân công làm Trưởng ban quản lý dự án và một số cán bộ khác của Trung tâm là thành viên của dự án.

Năm 2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phê duyệt dự toán kinh phí cấp cho Trung tâm khoa học. Trong đó có 127.000.000 đồng là khoản tiền dự toán chi thuê xe ô tô đi lại để thực hiện công việc nộp hồ sơ và thẩm định dự án. Quá trình đi công tác, Nguyễn Anh D có sử dụng xe ô tô của Trung tâm khoa học và có những lần D thuê xe ô tô bên ngoài, việc thuê xe do D quyết định. Do thời gian đã lâu nên D không nhớ cụ thể số lần thuê xe đi công tác mà chỉ nhớ đã thanh toán cho Ông T tổng số tiền thuê xe là 5.000.000 đồng, thanh toán cho ông D tổng số tiền thuê xe là 7.000.000 đồng. Ông T và ông D đều là hộ kinh doanh không sử dụng hóa đơn do cơ quan thuế phát hành nên sau khi thuê xe, D đã ứng tiền cá nhân để trả cho Ông T và ông D. Ngoài ra, quá trình D sử dụng xe ô tô của Trung tâm khoa học đi kiểm tra việc thực hiện dự án, anh Nguyễn Văn T là lái xe đã ứng tiền cá nhân 5.000.000 đồng để đổ dầu. Khi ứng tiền, anh T đã báo cáo D và được D đồng ý. Đến tháng 12/2020, D chỉ đạo cán bộ Trung tâm khoa học thanh quyết toán khoản kinh phí được cấp cho dự án trong đó có khoản tiền dự toán thuê xe 127.000.000 đồng. Mặc dù bản thân D biết tiền thuê xe không đến 127.000.000 đồng nhưng do cần tiền chi tiêu cá nhân, ngoài ra còn có những khoản chi trong quá trình thực hiện dự án nhưng trong dự toán không có mà phải chi thật nên D nảy sinh ý định mua hóa đơn ghi nội dung thuê xe để rút khoản tiền 127.000.000 đồng mục đích sử dụng chi trả các khoản tiền thực tế đã chi không có hóa đơn, số còn lại D có mục đích chiếm đoạt. Thực hiện ý định trên, D chỉ đạo anh Đào Hùng M sinh năm 1992 là Trưởng bộ môn kỹ thuật lâm sinh của Trung tâm khoa học mua hóa đơn làm chứng từ thanh toán cho Trung tâm khoa học.

Quá trình điều tra cho thấy, trong tổng số dự toán 127.000.000 đồng tiền ngân sách nhà nước cấp cho mục thuê xe trong dự án “Phát triển giống một số loài tre và cây gỗ lớn mọc nhanh phục vụ trồng rừng tại các tỉnh vùng Đông Bắc giai đoạn 2016 - 2020”, Nguyễn Anh D đã chỉ đạo cán bộ Trung tâm mua hóa đơn để quyết toán khoản tiền này. Sau khi rút được 127.000.000 đồng, D nhận lại 111.760.000 đồng và đã chi tiền thuê xe, tiền đổ dầu xe ô tô của Trung tâm khoa học để đi thực hiện dự án với tổng số tiền là 17.000.000 đồng; chi 15.000.000 đồng tiền thẩm định công nhận nguồn giống trồng cây lâm nghiệp của dự án. Còn lại đã chiếm đoạt 79.760.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Đối với số tiền 15.240.000 đồng mà T đã thu, T nộp thuế hết 5.157.000 đồng, còn lại thu lời bất chính 10.083.000 đồng. Sau khi bị khởi tố về tội: Mua bán trái phép hóa đơn, T đã nộp lại số tiền thu lời bất chính này.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 353, điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Anh D phạm tội “Tham ô tài sản”.

			<p>2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 30 tháng tù được trừ thời gian tạm giam 03 tháng 24 ngày (từ ngày 11/01/2023 đến ngày 05/5/2023). Bị cáo còn phải chấp hành 26 (hai sáu) tháng 06 (sáu) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.</p> <p>3. Buộc bị cáo Nguyễn Anh D phải nộp 79.760.000 đồng (Bảy mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước.(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/6/2023)</p> <p>Toà án phúc thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh D. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2023/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.2. Căn cứ khoản 1 Điều 353, điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh D phạm tội “Tham ô tài sản”.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 30 (Ba Mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. <p>Buộc bị cáo Nguyễn Anh D phải bồi thường số tiền 79.760.000 đồng (Bảy mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) cho Trung tâm khoa học lâm nghiệp vùng trung tâm B. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền trên.</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Bộ luật hình sự 2015: khoản 1 Điều 353, điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47; điểm b khoản 2 Điều 1062. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 3573. Bộ luật dân sự 2015: Điều 584, 5854. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.	
--	--	--	---	--

4.	11/2024/ HS-PT	28/02/2024	TAND tỉnh Quảng Bình	<p>Bản án số 11/2024/HS-PT ngày 28/02/2024 của TAND tỉnh Quảng Bình</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cấp xét xử: Phúc thẩm- Loại án: Hình sự- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Quảng Bình- Áp dụng án lệ: Không- Thông tin về vụ án: Nguyễn Ngọc D bị Tòa án cấp sơ thẩm phạt 18 tháng tù về tội "Tham ô tài sản". Sau khi xét xử bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc được hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, xử phạt bị cáo 09 tháng tù. <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Nguyễn Ngọc D là nhân viên của Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại T (viết tắt là Công ty) được ký hợp đồng lao động vào ngày 20/7/2021, với vị trí công việc chuyên môn: Công nhân lái máy lu rung.</p> <p>D được Công ty giao máy lu rung SAKAI, biển kiểm soát: 73LA-0316 để quản lý, sử dụng làm việc tại các công trình thuộc Công ty thi công từ ngày 15/3/2021 đến ngày 16/3/2023. Từ tháng 01 năm 2023, D được Công ty điều động đến làm việc tại dự án "Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng B" thuộc xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. D được nhận nhiên liệu là dầu Diesel, Công ty cấp để vận hành máy lu rung. Quá trình làm việc tại dự án, D điều khiển máy lu rung đúng quy trình và đã thừa ra một lượng dầu khoảng 90 lít. Khoảng 17 giờ 30 ngày 12/02/2023, D điện thoại liên lạc với Hoàng Đức L ở Bản Chuôn, xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình để bán 03 can tổng khối lượng 90 (lít) dầu thừa trong máy lu rung với giá mỗi can 400.000 đồng, L đồng ý mua.</p> <p>Khoảng 19 giờ 30 ngày 12/02/2023, Hoàng Đức L điều khiển xe mô tô BKS 73N3 - 9420 phía sau gắn giá sắt, chở 04 can nhựa, loại can 30 lít và một đoạn ống nhựa dài khoảng 1,5m đến vị trí máy lu rung của D đậu trong khuôn viên dự án. L mở nắp capô máy lu rung BKS: 73LA - 0316, dùng ống nhựa hút dầu trong bình chứa nhiên liệu đầy 04 can dầu. Sau đó, L giấu 01 can dầu và ống nhựa ở gần đó, rồi dùng xe mô tô chở 03 can dầu về nhà. Một lúc sau, L quay lại chỗ dầu can dầu và ống nhựa thì L bị bộ phận an ninh Dự án suối nước nóng B phát hiện lập biên bản rồi cho L chở can dầu cùng ống nhựa về nhà. Sau đó, L bán 04 can dầu trên cho ông Hồ</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1MO7-SI2cmYh6GI0mQiSaFNUZpd5KJDBM/view?usp=sharing</p>
----	-------------------	------------	-------------------------------	---	--

Văn Lương ở bản Hà Lạc, xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình được 2.200.000 đồng, vài ngày sau L đưa cho D 1.200.000 đồng tiền mua 90 lít dầu.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc D đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường cho Công ty số tiền 2.702.400 đồng.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội “Tham ô tài sản”;
2. Áp dụng khoản 1 Điều 353, Điều 38, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D **18 (Mười tám) tháng tù.**

Toà án phúc thẩm tuyên:

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Ngọc D, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình như sau:
2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội “Tham ô tài sản”.
3. Về hình phạt: Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.
4. Về án phí : Bị cáo Nguyễn Ngọc D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Cơ sở pháp lý:

1. Bộ luật hình sự 2015: khoản 1 Điều 353, Điều 38, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54
2. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Điều 355 và Điều 357
3. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: khoản 2 Điều 136 và các Điều 21 và 23

5.	66/2024/ HS-PT	29/02/2024	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	<p>Bản án số 66/2024/HS-PT ngày 29/02/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử:Phúc thẩm - Loại án:Hình sự - Tòa án xét xử:TAND cấp cao tại Đà Nẵng - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Bị cáo Phạm Thị G phạm tội “Tham ô tài sản” và “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”. Căn cứ theo BLHS, buộc bị cáo Phạm Thị G phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 10 (mười) năm tù. <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Phạm Thị G là Công chức Tài chính – Kế toán của UBND xã B, huyện B được Phạm Văn T2, từ tháng 9/2015 đến 3/2019. G có nhiệm vụ giúp Chủ tịch UBND xã quản lý hoạt động thu, chi ngân sách và các hoạt động tài chính khác của xã; thực hiện công tác lập dự toán, phân bổ, chấp hành, kế toán, quyết toán ngân sách xã. Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, Phạm Thị G lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của chủ tài khoản (là Phạm Văn T2, Chủ tịch UBND xã) và thủ quỹ UBND xã (là Đinh Thị P1) để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền Ngân sách Nhà nước. Phạm Thị G bằng lời nói yêu cầu Đinh Thị P1 xuất quỹ chi tiền cho G để G chi cho dự án, nhưng thực chất G không chi cho dự án mà sử dụng một phần chi cho các hoạt động của UBND xã, một phần chiếm đoạt sử dụng cá nhân, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chiếm đoạt tiền ngân sách do UBND huyện B cấp cho UBND xã B để chi trả tiền điện hỗ trợ cho hộ nghèo và hộ chính sách: <p>Tổng số tiền điện hỗ trợ cho hộ nghèo và hộ chính sách được UBND huyện cấp cho UBND xã B từ năm 2015 đến năm 2019 là 2.413.515.000 đồng, trong đó: Số tiền đã chi trả cho người dân là 320.565.000 đồng, chi cho các hoạt động của UBND xã là 1.756.206.000 đồng (trong số tiền này thì có 150.160.200 đồng Phạm Thị Giang có lập phiếu chi trình Phạm Văn T2 ký duyệt chi để thủ quỹ Đinh Thị P1 chi, số tiền còn lại chi cho các hoạt động của UBND xã, khi chi không có lập phiếu chi theo quy định). Còn lại 336.744.000 đồng Phạm Thị Giang chiếm đoạt.</p> <p>Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018, tại UBND xã B tổng số tiền điện hỗ trợ cho hộ nghèo và hộ chính sách được UBND huyện cấp nhưng không chi trả cho đối tượng được hưởng mà chi cho các hoạt động của</p>	https://drive.google.com/file/d/1yk6ari2hNUtPAZOq5MCkqaYvL_QcX/Cy/view?usp=sharing
----	-------------------	------------	-----------------------------------	--	---

UBND xã là 1.064.407.000 đồng. Đến khi báo cáo quyết toán tài chính năm 2016, 2017, 2018 thì đưa vào Báo cáo quyết toán tài chính năm để quyết toán số tiền trên vào nguồn kinh phí hỗ trợ tiền điện (quyết toán không).

Hành vi Báo cáo quyết toán không số tiền 1.064.407.000 đồng hỗ trợ tiền điện của Phạm Thị G đã vi phạm Điều 13 Luật Kế toán năm 2015, dẫn đến thất thoát số tiền 1.064.407.000 đồng ngân sách nhà nước.

2. Chiếm đoạt tiền từ nguồn ngân sách chi thường xuyên của UBND xã B

Đình Thị P1 đã chi cho Phạm Thị G tổng cộng 53 lượt với tổng số tiền 2.384.375.000 đồng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của UBND xã B. Trong tổng số tiền 2.384.375.000 đồng Phạm Thị Giang nhận từ Đình Thị P1 thì G đã chiếm đoạt số tiền 453.299.000 đồng, còn lại số tiền 1.931.076.000 đồng G khai sử dụng chi cho các hoạt động của UBND xã như chi tiền nước uống hàng ngày cho cán bộ, nhân viên UBND xã, chi tiền nước uống phục vụ hội nghị, chi tiền mua văn phòng phẩm, chi cho đại hội thể dục thể thao thôn, xã và tham gia ở huyện, chi giao lưu với các xã giáp ranh, chi hỗ trợ cho cán bộ UBND xã tham quan, chi quà tết cho đối tượng chính sách...

Kiểm tra đối chiếu khoản chi được Đình Thị P1 ghi trong sổ tay cá nhân cũng như tài liệu, chứng từ lưu trữ tại UBND xã B thấy không trùng với những khoản chi mà G sử dụng số tiền 1.931.076.000 đồng từ nguồn kinh phí thường xuyên để chi (như nêu ở trên).

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị G 07 (bảy) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.
2. Áp dụng: Khoản 3 Điều 221; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị G 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.
3. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Phạm Thị G phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Toà án phúc thẩm tuyên:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị G, giữ nguyên án sơ thẩm.

Cơ sở pháp lý:

				<ol style="list-style-type: none">1. Bộ luật hình sự 2015: Điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38; Khoản 3 Điều 221; khoản 1 Điều 552. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 3563. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.	
--	--	--	--	---	--

